

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch vùng trồng cây thanh long
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch vùng trồng cây thanh long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH

1. Phát triển cây thanh long đạt hiệu quả cao và bền vững, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Quy mô và vùng trồng cây thanh long phải phù hợp yêu cầu của thị trường và yêu cầu về điều kiện sinh thái của cây thanh long; đồng thời, phải xem xét đến khả năng cạnh tranh về hiệu quả kinh tế, xã hội với các cây trồng khác.

2. Phát triển cây thanh long trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng trồng tập trung, có hạ tầng đồng bộ để áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về an toàn thực phẩm của các nước nhập khẩu và người tiêu dùng trong nước.

3. Nhà nước tiếp tục tạo cơ chế, chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển trồng, chế biến, tiêu thụ cây thanh long ở những vùng sản xuất tập trung gắn với tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ tốt môi trường sinh thái, tạo cảnh quan phục vụ hoạt động du lịch và xây dựng nông thôn mới.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Đến năm 2025

- Diện tích trồng cây thanh long cả nước đến năm 2020 đạt 45.000 - 46.000 ha; năm 2025 đạt khoảng 48.000 - 48.500 ha, vùng trồng tập trung từ 44.000 - 44.500 ha, sản lượng 1,2 - 1,25 triệu tấn.

- Diện tích trồng thanh long áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP...) năm 2020 đạt 30%, đến năm 2025 đạt 40%.

- Kim ngạch xuất khẩu thanh long năm 2020 đạt 700 - 750 triệu USD, đến năm 2025 đạt 750 - 800 triệu USD.

2. Định hướng đến năm 2030

- Diện tích trồng thanh long cả nước đạt 48.500 - 49.000 ha; trong đó, vùng trồng tập trung 44.000 - 45.000 ha, năng suất bình quân đạt 30 - 31 tấn/ha, sản lượng đạt trên 1,3 triệu tấn.

- Diện tích trồng thanh long áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP...) đạt khoảng 50%.

- Kim ngạch xuất khẩu thanh long đạt 850 - 900 triệu USD.

III. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH VÙNG TRỒNG THANH LONG

1. Năm 2020, diện tích trồng thanh long cả nước khoảng 45.000 - 46.000 ha; vùng tập trung khoảng 41.700 ha, phân bố ở các tỉnh như sau:

- Bình Thuận khoảng 28.000 ha, bao gồm: Thị xã La Gi 1.200 ha, Bắc Bình 2.600 ha, Hàm Thuận Bắc 9.500 ha, Hàm Thuận Nam 13.000 ha, Hàm Tân 1.000 ha, thành phố Phan Thiết 400 ha, Tuy Phong 300 ha.

- Long An khoảng 7.500 ha, tập trung chủ yếu ở huyện Châu Thành 7.000 ha, các huyện khác 500 ha.

- Tiền Giang khoảng 6.200 ha, bao gồm: Chợ Gạo 4.500 ha, Gò Công Tây 500 ha, Tân Phước 1.000 ha, các huyện khác 200 ha.

2. Năm 2025, diện tích trồng thanh long cả nước khoảng 48.000 - 48.500 ha; vùng tập trung khoảng 44.500 ha, trong đó:

- Bình Thuận khoảng 30.000 ha, chỉ mở rộng diện tích trồng thanh long tại huyện Bắc Bình (3.100 ha) và Hàm Thuận Nam (14.500 ha); các huyện khác giữ quy mô như năm 2020.

- Long An 8.000 ha, mở rộng diện tích thanh long tại huyện Châu Thành lên quy mô 7.500 ha, các huyện khác giữ ổn định quy mô 500 ha.

- Tiền Giang 6.500 ha, chỉ mở rộng diện tích trồng thanh long tại huyện Tân Phước lên quy mô 1.300 ha, các huyện khác giữ quy mô diện tích như năm 2020.

3. Năm 2030, diện tích trồng thanh long cả nước khoảng 48.500 - 49.000 ha; vùng tập trung khoảng 44.700 ha, gồm: Bình Thuận 30.000 ha, Long An 8.000 ha, Tiền Giang 6.700 ha.

(Diện tích quy hoạch vùng trồng thanh long tập trung như phụ lục đính kèm)

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quy hoạch và quản lý đất đai

Căn cứ quy hoạch vùng trồng thanh long cả nước được phê duyệt; các tỉnh thuộc vùng trồng thanh long tập trung rà soát phương án quy hoạch chi tiết trên địa bàn. Phương án quy hoạch của tỉnh cần xác định cụ thể diện tích trồng thanh long đến cấp xã, gắn sản xuất với thu mua, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

2. Về khoa học công nghệ

- Về giống: Tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo giống thanh long mới có đặc tính nổi trội so với các giống hiện có (về năng suất, tính kháng bệnh và chất lượng quả). Đồng thời, quản lý tốt nguồn cây giống cung cấp ra thị trường, đảm bảo người sản xuất được sử dụng giống đúng chất lượng.

- Về kỹ thuật canh tác: Hoàn thiện các kỹ thuật thâm canh, trồng mới và kỹ thuật chống đèn cho ra hoa trái vụ. Đồng thời, thực hiện các giải pháp chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ mới cho người trồng thanh long. Tổ chức sản xuất thanh long theo quy trình kỹ thuật tiên tiến VietGAP, Global GAP....

- Về chế biến sản phẩm: Tiếp tục nghiên cứu công nghệ và chế tạo các dây chuyền thiết bị chế biến sản phẩm thanh long (sấy khô, nước ép, bánh kẹo, rượu, phẩm màu...) và chuyển giao cho các doanh nghiệp chế biến để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao và quản lý phát triển cây thanh long từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

3. Về tiêu thụ sản phẩm

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các kênh tiêu thụ sản phẩm thanh long; kết nối chặt chẽ các khâu trong chuỗi sản xuất, từ trồng đến thu mua, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thu mua, chế biến, xuất khẩu thanh long liên kết với nông dân đầu tư xây dựng vùng sản xuất thanh long an toàn và tiêu thụ sản phẩm.

- Tiếp tục nghiên cứu yêu cầu về số lượng, chất lượng thanh long của các nước nhập khẩu để củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng và quảng bá thương hiệu thanh long Việt Nam với các nước trên thế giới.

- Tuyên truyền, quảng bá tiêu thụ thanh long tại thị trường trong nước.

4. Về cơ chế chính sách

- Tiếp tục triển khai một số chính sách đã ban hành: Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về

chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn...

- Ngoài ra, các tỉnh thuộc vùng trồng thanh long tập trung cần ban hành các chính sách bổ sung đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cải tiến công nghệ, thiết bị sơ chế, chế biến và bảo quản sản phẩm thanh long.

5. Về hợp tác quốc tế

Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế để nghiên cứu, nhập nội các giống thanh long mới, tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ mới về trồng và chế biến thanh long.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế để hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm thanh long Việt Nam.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

a) Cục Trồng trọt

Chủ trì tham mưu cho Bộ hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện phương án quy hoạch. Hàng năm, tổng hợp kết quả sản xuất, chế biến, tiêu thụ thanh long báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) Các đơn vị khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Cục Trồng trọt hướng dẫn các địa phương triển khai, thực hiện phương án quy hoạch.

2. Các Bộ, ngành Trung ương

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT và các địa phương trồng thanh long tập trung kiểm tra, giám sát thực hiện phương án quy hoạch; báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách phát triển cây thanh long bền vững.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh trồng thanh long tập trung

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh: (i) Rà soát phương án quy hoạch trồng và chế biến thanh long trong quá trình lập, hoặc rà soát quy hoạch ngành tại địa phương; (ii) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện định hướng quy hoạch cây thanh long tại địa phương; (iii) Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện để Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, Ngành liên quan.

4. Các doanh nghiệp trồng, chế biến, xuất khẩu thanh long

Liên kết với nông dân xây dựng vùng sản xuất thanh long an toàn; tổ chức thu mua, sơ chế, chế biến sản phẩm; tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu

thụ thanh long cả trong nước và quốc tế. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải tiến thiết bị và công nghệ chế biến các sản phẩm từ thanh long nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trồng và chế biến thanh long chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính Phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính Phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước VN;
- UBND các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An;
- Website Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Lưu VT,TT. (25)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh



PHỤ LỤC

Kèm theo Quyết định số 5392/QĐ-BNN-TT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Định hướng quy hoạch cây thanh long tỉnh Bình Thuận

Số TT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2015	Quy hoạch năm 2020	Quy hoạch năm 2025	Định hướng năm 2030
	Toàn tỉnh					
	Tổng diện tích	ha	26.105	28.000	30.000	30.000
	Diện tích thu hoạch	ha	21.370	26.760	26.860	28.100
	Năng suất	tấn/ha	21,9	28,0	29,0	30,0
	Sản lượng	tấn	468.395	750.000	778.000	843.000
I	Vùng tập trung					
	Tổng diện tích	ha	25.347	27.300	29.300	29.300
	Diện tích thu hoạch	ha	20.812	26.150	26.250	27.460
	Năng suất	tấn/ha	22,0	28,0	29,0	30,0
	Sản lượng	tấn	458.276	732.200	759.950	823.800
1	Thị xã La Gi					
	Tổng diện tích	ha	1.182	1.200	1.200	1.200
	Diện tích thu hoạch	ha	773	1.100	1.100	1.100
	Năng suất	tấn/ha	23,5	28,0	29,0	30,0
	Sản lượng	tấn	18.190	30.800	31.900	33.000
2	Bắc Bình					
	Tổng diện tích	ha	2.403	2.600	3.100	3.100
	Diện tích thu hoạch	ha	1.340	2.500	2.600	2.800
	Năng suất	tấn/ha	21,3	28,0	28,5	30,0
	Sản lượng	tấn	28.500	70.000	74.100	84.000
3	Hàm Thuận Bắc					
	Tổng diện tích	ha	8.685	9.500	9.500	9.500
	Diện tích thu hoạch	ha	7.316	9.100	9.100	9.100
	Năng suất	tấn/ha	19,0	28,0	29,0	30,0
	Sản lượng	tấn	139.004	254.800	263.900	273.000
4	Hàm Thuận Nam					
	Tổng diện tích	ha	12.189	13.000	14.500	14.500
	Diện tích thu hoạch	ha	11.037	12.530	12.530	13.500
	Năng suất	tấn/ha	24,0	28,0	29,0	30,0
	Sản lượng	tấn	264.998	350.840	363.370	405.000
5	Hàm Tân					

Số TT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2015	Quy hoạch năm 2020	Quy hoạch năm 2025	Định hướng năm 2030
	Tổng diện tích	ha	888	1.000	1.000	1.000
	Diện tích thu hoạch	ha	346	920	920	960
	Năng suất	tấn/ha	21,9	28,0	29,0	30,0
	Sản lượng	tấn	7.584	25.760	26.680	28.800
II	Các huyện khác					
1	Thành phố Phan Thiết					
	Tổng diện tích	ha	408	400	400	400
	Diện tích thu hoạch	ha	372	360	360	370
	Năng suất	tấn/ha	22,1	30,0	30,0	30,0
	Sản lượng	tấn	8.230	10.800	10.800	11.100
2	Tuy Phong					
	Tổng diện tích	ha	210	300	300	300
	Diện tích thu hoạch	ha	127	250	250	270
	Năng suất	tấn/ha	13,7	28,0	29,0	30,0
	Sản lượng	tấn	1.743	7.000	7.250	8.100

2. Định hướng quy hoạch cây thanh long tỉnh Long An

Số TT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2015	Quy hoạch năm 2020	Quy hoạch năm 2025	Định hướng năm 2030
	Toàn tỉnh					
	Tổng diện tích	ha	7.267	7.500	8.000	8.000
	Diện tích thu hoạch	ha	3.647	6.850	7.460	7.620
	Năng suất	tấn/ha	31,9	32,7	33,1	33,4
	Sản lượng	tấn	116.324	223.920	246.940	254.850
1	Huyện Châu Thành					
	Tổng diện tích	ha	6.803	7.000	7.500	7.500
	Diện tích thu hoạch	ha	3.459	6.400	7.000	7.150
	Năng suất	tấn/ha	33,0	33,3	33,7	34,0
	Sản lượng	tấn	114.250	213.120	235.900	243.100
2	Các huyện khác					
	Tổng diện tích	ha	464	500	500	500
	Diện tích thu hoạch	ha	188	450	460	470
	Năng suất	tấn/ha	11,0	24,0	24,0	25,0
	Sản lượng	tấn	2.074	10.800	11.040	11.750

3. Định hướng quy hoạch cây thanh long tỉnh Tiền Giang

Số TT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2015	Quy hoạch năm 2020	Quy hoạch năm 2025	Định hướng năm 2030
	Toàn tỉnh					
	Tổng diện tích	ha	4.494	6.200	6.500	6.700
	Diện tích thu hoạch	ha	3.572	5.630	6.000	6.440
	Năng suất	tấn/ha	26,3	26,9	28,0	28,9
	Sản lượng	tấn	94.009	151.370	167.790	186.080
I	Vùng tập trung					
	Tổng diện tích	ha	4.364	6.000	6.300	6.500
	Diện tích thu hoạch	ha	3.473	5.450	5.820	6.250
	Năng suất	tấn/ha	26,7	27,2	28,2	29,2
	Sản lượng	tấn	92.704	148.310	164.190	182.280
1	Chợ Gạo					
	Tổng diện tích	ha	3.872	4.500	4.500	4.500
	Diện tích thu hoạch	ha	3.136	4.100	4.200	4.350
	Năng suất	tấn/ha	28,0	28,6	29,5	30,0
	Sản lượng	tấn	87.810	117.260	123.900	130.500
2	Tân Phước					
	Tổng diện tích	ha	275	1.000	1.300	1.500
	Diện tích thu hoạch	ha	161	900	1.150	1.420
	Năng suất	tấn/ha	14,0	22,0	24,0	27,0
	Sản lượng	tấn	2.247	19.800	27.600	38.340
3	Gò Công Tây					
	Tổng diện tích	ha	217	500	500	500
	Diện tích thu hoạch	ha	176	450	470	480
	Năng suất	tấn/ha	15,0	25,0	27,0	28,0
	Sản lượng	tấn	2.647	11.250	12.690	13.440
II	Các huyện khác					
	Tổng diện tích	ha	130	200	200	200
	Diện tích thu hoạch	ha	99	180	180	190
	Năng suất	tấn/ha	13,2	17,0	20,0	20,0
	Sản lượng	tấn	1.305	3.060	3.600	3.800